

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 90/2004/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi để thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26/12/1991 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 05/07/1993; số 04/1998/QH10 ngày 20/05/1998;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/05/1998;

Để thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, Kỳ họp thứ 10 phê chuẩn tại Nghị Quyết số 48/2001/QH10 ngày 28/11/2001;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng để thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam –

Hoa Kỳ.

Mức thuế suất quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này thay thế cho các mức thuế suất quy định tại Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Điều 2. Danh mục hàng hoá và mức thuế suất thuế nhập khẩu nêu tại Điều 1 của Quyết định này được áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá của Hoa Kỳ và của các nước có thoả thuận về đối xử Tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng cho các Tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2004.

DANH MỤC VÀ MỨC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - HOA KỲ					
(Ban hành kèm theo Quyết định số 90/2004/QĐ-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính					
Mã hàng hoá			Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)	Ghi chú
0204			Thịt cừu hoặc dê, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh		
0204	10	00	- Thịt cừu non, cả con và nửa con không đầu, tươi hoặc ướp lạnh	10	*
			- Thịt cừu loại khác, tươi		

			hoặc ướp lạnh:		
0204	21	00	- - Thịt cả con và nửa con không đầu	10	*
0204	22	00	- - Thịt pha có xương khác	10	*
0204	23	00	- - Thịt lọc không xương	10	*
0204	30	00	- Thịt cừu non, cả con và nửa con không đầu, đông lạnh	10	*
			- Thịt cừu loại khác, đông lạnh:		
0204	41	00	- - Thịt cả con và nửa con không đầu	10	*
0204	42	00	- - Thịt pha có xương khác	10	*
0204	43	00	- - Thịt lọc không xương	10	*
0204	50	00	- Thịt dê	10	*
0206			Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò, cừu, dê, ngựa, la, lừa, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh		
0206	10	00	- Của trâu, bò, tươi hoặc ướp lạnh	15	*

			- Cửa trâu, bò, đông lạnh:		
0206	21	00	- - Lưỡi	15	*
0206	22	00	- - Gan	15	*
0206	29	00	- - Loại khác	15	*
0206	30	00	- Cửa lợn, tươi hoặc ướp lạnh	15	*
			- Cửa lợn, đông lạnh:		
0206	41	00	- - Gan	15	*
0206	49	00	- - Loại khác	15	*
0206	80	00	- Loại khác, tươi hoặc ướp lạnh	10	*
0206	90	00	- Loại khác, đông lạnh	10	*
0207			Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh		
			- Cửa gà thuộc loài Gallus Domesticus:		
0207	11	00	- - Chưa chặt mảnh, tươi hoặc ướp lạnh	20	

0207	12	00	- - Chưa chặt mảnh, đông lạnh	20	
0207	13	00	- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, tươi hoặc ướp lạnh	20	
0207	14		- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, đông lạnh:		
0207	14	10	- - - Cánh	20	
0207	14	20	- - - Đùi	20	
0207	14	30	- - - Gan	20	
0207	14	90	- - - Loại khác	20	
			- Cửa gà tây:		
0207	24	00	- - Chưa chặt mảnh, tươi hoặc ướp lạnh	20	
0207	25	00	- - Chưa chặt mảnh, đông lạnh	20	
0207	26	00	- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, tươi hoặc ướp lạnh	20	
0207	27		- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, đông lạnh:		